

### I. Văn bản

- Lượm
- Cô Tô
- Cây tre Việt Nam

\* **Yêu cầu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật của các tác phẩm, phân tích, cảm nhận một số chi tiết, hình ảnh đặc sắc

### II. Tiếng Việt

- Các biện pháp tu từ: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ
- Câu trần thuật đơn, câu trần thuật đơn có từ là, câu trần thuật đơn không có từ là

\* **Yêu cầu:** Nắm vững khái niệm, định nghĩa; vận dụng làm các dạng bài tập

### III. Tập làm văn

- Thể loại : Miêu tả (tả cảnh)
- Yêu cầu: Nắm được phương pháp viết đoạn văn

### IV. Một số dạng bài tập

**Bài 1.** Cho đoạn văn: “*Sau trận bão, chân trời, ngán bẽ, sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bệ sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh.*”

- Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt chính nào?
- Nội dung của đoạn văn trên là gì?
- Đoạn văn trên sử dụng phép tu từ nào? Nêu tác dụng của phép tu từ ấy?

### **Bài 2.**

Cho câu thơ sau: “***Chú bé loắt choắt***”

- Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ ?
- Đoạn thơ trên trích từ bài thơ nào? Của ai? Phương thức biểu đạt chính là gì? Nêu tác dụng của phép so sánh được sử dụng trong đoạn thơ?
- Hai khổ em vừa chép được lặp lại nguyên vẹn ở phần kết thúc của bài thơ có ý nghĩa gì?
- "Lượm ơi còn không?", câu thơ đặt ở gần cuối bài thơ như một câu hỏi đầy đau xót sau sự hy sinh của Lượm. Vì sao sau câu thơ ấy tác giả lặp lại hai khổ thơ ở đoạn đầu với hình ảnh Lượm hồn nhiên, vui tươi?

**Bài 3.** “*Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người, đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, mai, vầu, giúp người trăm công nghìn việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân*”

- a. Đoạn văn trên viết theo phương thức biểu đạt chính nào?
- b. Nội dung của đoạn văn trên là gì?
- c. Đoạn văn trên sử dụng phép tu từ nào? Nêu tác dụng của phép tu từ ấy?
- d. Câu văn: *Tre, nứa, mai, vầu, giúp người trăm công nghìn công việc khác nhau.* Có phải là câu trần thuật đơn không? Vì sao?

**Bài 4.**

Đề 1: Viết đoạn văn khoảng 8 - 10 câu tả quang cảnh trường em vào thời điểm chớm hè

Đề 2: Viết đoạn văn khoảng 8 - 10 câu tả một cảnh đẹp mà em yêu thích

*Ban giám hiệu duyệt*

*Tổ trưởng*

*Nhóm trưởng*

*Ngô Thị Bích Liên*

*Nguyễn Thu Hoàng*

*Nguyễn Thị Thanh Hòa*

**A: GRAMMAR:**

I/ Vocabulary: review from Unit 7 to Unit 12.

II/ Grammar:

1/ Tenses : +The present simple, present progressive, present perfect tense  
+ The past simple tense  
+ The future simple tense

2/ Conjunctions: and, but.....

3/ Modal verbs: Can, must, should, could, may, might.

4/ Comparatives and superlatives:

5/ Adjectives / Adverbs: (Adj + ly = Adv )

6/ prepositions: at, on, in, with, for, from .....

7/ Conditional sentence- type 1

**B: KINDS OF EXERCISES:**

1. Choose the best answer.

2. Choose the word that has the underlined part pronounced differently from the others.

3. Find out the underlined words or phrases that are not correct in English.

4. Rewrite the following sentence so that they have the same meaning as the first ones.

5. Arrange the jumbled words in to the correct sentences.

6. Read the passage and fill in the blank.

7. Read the passage and choose whether the statements are (T) or (F).

8. Read the passage and answer the questions.

*Ban giám hiệu duyệt*

*Tổ trưởng*

*Nhóm trưởng*

*Ngô Thị Bích Liên*

*Nguyễn Thị Bích Ngọc*

*Nguyễn Thị Bích Hạnh*

# TRƯỜNG THCS ÁI MỘ

## ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ II TOÁN HỌC 6

(Điều chỉnh, bổ sung)

Năm học 2020 – 2021

### A. KIẾN THỨC CẦN NHỚ

SỐ HỌC	HÌNH HỌC
<ul style="list-style-type: none"><li>- Khái niệm phân số. Hai phân số bằng nhau.</li><li>- Tính chất cơ bản của phân số. Rút gọn, quy đồng.</li><li>- Các phép toán của phân số. Tính chất của phép cộng, phép nhân phân số.</li><li>- Các bài toán cơ bản của phân số.</li><li>- Hỗn số, số thập phân, phần trăm.</li><li>- Tỉ số của hai số. Tỉ số phần trăm.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Nửa mặt phẳng. Góc.</li><li>- Số đo góc. Vẽ góc khi biết số đo.</li><li>- Quan hệ giữa các góc.</li><li>- Công thức cộng góc.</li><li>- Tia phân giác của một góc.</li><li>- Tam giác</li><li>- Đường tròn</li></ul>

### B. CÁC DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO

#### PHẦN TỰ LUẬN

**\*\*Dạng 1: Thực hiện phép tính**

**Bài 1:** Thực hiện phép tính (tính hợp lí nếu có thể)

$$a) \frac{4}{5} + \frac{2}{15} \cdot \frac{-25}{12}$$

$$b) \frac{4}{37} + \frac{-3}{14} + \frac{4}{-37} + \frac{7}{-14}$$

$$c) \frac{3}{16} : \frac{10}{6} - \frac{3}{16} \cdot \frac{-4}{10} + 40\%$$

$$d) 5,4 \cdot \left(\frac{-5}{3}\right)^2 : \left(1,5 - 1\frac{1}{3}\right)$$

**\*\*Dạng 2: Tìm x.**

**Bài 2:** Tìm x, biết:

$$a) \frac{1}{4} \cdot x - \frac{5}{3} = \frac{2}{3}$$

$$c) \left(\frac{2}{3} \cdot x + 1\right)^2 = 4$$

$$b) 2 \cdot x + \frac{8}{3} \cdot \frac{-15}{4} = 1$$

$$d) \left|x - \frac{5}{8}\right| \cdot \frac{3}{4} = 1$$

$$e) \left|2 \cdot x - \frac{2}{3}\right| = 1,25$$

**\*\*Dạng 3: Các bài toán cơ bản về phân số và có yếu tố thực tiễn.**

**Bài 3:** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 80m, chiều rộng bằng  $\frac{3}{4}$  chiều dài.

a) Tính diện tích mảnh vườn đó?

b) Người ta dùng 40% diện tích mảnh vườn để trồng cây; 0,5 lần diện tích còn lại là ao thả cá. Hỏi diện tích ao cá bằng bao nhiêu phần trăm diện tích cả mảnh vườn đó?

**Bài 4:** Tổng kết cuối năm, hạnh kiểm của học sinh lớp 6M được xếp thành 3 loại gồm: tốt, khá và trung bình. Có 6 học sinh xếp hạnh kiểm trung bình chiếm  $\frac{1}{8}$  số học sinh cả lớp.

a) Tính số học sinh lớp 6M.

b) Số học sinh xếp hạnh kiểm khá chiếm  $\frac{2}{7}$  số học sinh còn lại. Tính số học sinh được xếp hạnh kiểm tốt của lớp 6M.

**Bài 5:** Một tấm vải sau bị giặt bị co mất 2% chiều dài ban đầu. Sau khi giặt tấm vải chỉ còn 22,4m. Hỏi lúc ban đầu, tấm vải dài bao nhiêu mét?

**\*Dạng 4: Bài toán hình học**

**Bài 6:** Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Ob và Om sao cho  $\widehat{xOb} = 36^\circ$  và  $\widehat{xOm} = 108^\circ$

a) Trong ba tia Ox, Ob, Om thì tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao?

b) Tính số đo của  $\widehat{bOm}$

c) Vẽ tia Oa là tia phân giác của  $\widehat{bOm}$ . Tính số đo của  $\widehat{aOm}$ .

d) Vẽ tia Oy là tia đối của tia Ox. Hãy chứng tỏ tia Om là tia phân giác của  $\widehat{aOy}$ .

**Bài 7:** Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ chứa tia OA vẽ hai tia Ox và Oy sao cho  $\widehat{AOx} = 45^\circ$  và  $\widehat{AOy} = 135^\circ$

a) Trong ba tia OA, Ox, Oy thì tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao? Tính số đo  $\widehat{xOy}$

b) Vẽ tia Om là tia phân giác của  $\widehat{xOy}$ . Tính số đo của  $\widehat{mOy}$

c) Vẽ tia OB là tia đối của tia OA. Hãy chứng tỏ tia Oy là tia phân giác của  $\widehat{mOB}$

**\*Dạng 5: Bài tập nâng cao**

**Bài 8:** Tính nhanh:

$$A = \frac{3}{2.5} + \frac{3}{5.8} + \frac{3}{8.11} + \dots + \frac{3}{98.101} \quad B = \frac{1}{4} + \frac{1}{21} + \frac{1}{70} + \frac{1}{130} + \frac{1}{208} + \frac{1}{304}$$

**Bài 9:** Hãy tính tỉ số giữa số A và B, biết:

$$A = \frac{1}{2} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4} + \dots + \frac{1}{99} + \frac{1}{100} \quad \text{và} \quad B = \frac{99}{1} + \frac{98}{2} + \frac{97}{3} + \dots + \frac{2}{98} + \frac{1}{99}$$

### PHẦN TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

Em hãy chọn một chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

**Câu 1:** Số đối của  $\frac{-4}{5}$  là :

- A.  $\frac{5}{4}$                       B.  $\frac{4}{5}$                       C.  $\frac{-5}{4}$                       D.  $\frac{-5}{-4}$

**Câu 2:** Phân số nghịch đảo của  $\frac{2}{31}$  là:

- A.  $\frac{31}{2}$                       B.  $-\frac{2}{31}$                       C.  $\frac{-31}{2}$                       D.  $\frac{-2}{-31}$

**Câu 3:** Số nào bằng phân số  $\frac{2}{3}$  trong các phân số sau:

- A.  $\frac{4}{-6}$                       B.  $\frac{-4}{6}$                       C.  $\frac{4}{6}$                       D.  $\frac{2}{6}$

**Câu 4:** Trong các phân số sau, phân số nào nhỏ nhất?

- A.  $\frac{-3}{4}$                       B.  $\frac{6}{-7}$                       C.  $\frac{-7}{-8}$                       D.  $\frac{-11}{12}$

**Câu 5:** Cho  $\frac{x}{2} = \frac{-3}{6}$ . Khi đó, x = ?

- A. -1                      B. -2                      C. -3                      D. -4

**Câu 6:** Giá trị x nguyên âm thỏa mãn biểu thức  $\frac{x}{3} = \frac{12}{x}$  là:

A. -1                      B. -16                      C. -18                      D. -6

Câu 7: Để  $\frac{x}{3} < 0$  thì:

A.  $x > 0$                       B.  $x < 0$                       C.  $x = 0$                       D.  $x \in \mathbb{N}$

Câu 8:  $1 + \frac{2}{3} \cdot \frac{-9}{4} = ?$

A.  $\frac{1}{2}$                       B.  $\frac{3}{2}$                       C.  $\frac{-1}{2}$                       D.  $\frac{-3}{2}$

Câu 9: Thực hiện phép tính:  $\frac{12}{13} + \frac{-21}{31} + \frac{1}{13} + \frac{-1}{31} + \frac{10}{-21}$

A. 1                      B. 2                      C.  $\frac{10}{21}$                       D.  $\frac{-10}{21}$

Câu 10: Giá trị của phép tính  $\frac{12}{35} \cdot \frac{4}{9} - \frac{12}{35} \cdot \frac{-5}{9} + 20\%$

A. 0                      B.  $\frac{19}{5}$                       C.  $\frac{19}{35}$                       D. -1

Câu 11: Giá trị x thỏa mãn biểu thức  $x + \frac{1}{2} = 1$  là:

A.  $\frac{-1}{2}$                       B.  $\frac{3}{2}$                       C.  $\frac{1}{2}$                       D.  $-\frac{3}{2}$

Câu 12: Cho biểu thức  $2x + \frac{4}{3} = -\frac{1}{5}$ . Khi đó x = ?

A.  $\frac{23}{30}$                       B.  $\frac{-23}{30}$                       C.  $\frac{-3}{50}$                       D.  $-\frac{3}{50}$

Câu 13: Giá trị x thỏa mãn biểu thức  $\left| 4 : x - \frac{1}{2} \right| = 3$  là bao nhiêu?

A.  $\frac{8}{7}$                       B.  $\frac{-8}{5}$                       C. Cả hai đáp án sai                      D. Cả hai đáp án đúng

Câu 14: Kết quả rút gọn biểu thức  $\frac{5.8 - 5.4}{10}$  là:

A. 1                      B.  $\frac{1}{10}$                       C. -1                      D.  $\frac{40}{10}$

Câu 15: Điền dấu thích hợp vào chỗ trống, biết:  $1 - \frac{-1}{12} \dots \dots \frac{4}{30} \cdot \frac{15}{24}$

A. <                      B. >                      C. =                      D. Không có đáp án

Câu 16: Cho  $M = \frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \frac{1}{6} + \dots + \frac{1}{9990}$ . Phát biểu đúng là:

A.  $M > 1$                       B.  $M = 1$                       C.  $M < 1$                       D.  $M < 0$

Câu 17: Hỗn số  $-2\frac{1}{3}$  đổi thành phân số:

A.  $\frac{1}{3}$                       B.  $\frac{-7}{3}$                       C.  $\frac{7}{3}$                       D.  $\frac{-1}{3}$

Câu 18: 20% của 70 là:

A. 14                      B. 350                      C. 2                      D. 7

Câu 19:  $3\frac{1}{4}$  của 1 giờ là bao nhiêu phút?

A. 325 phút      B. 19,5 phút      C. 195 phút      D. 32,5 phút

**Câu 20:** Một hình chữ nhật có chiều dài là 12cm và chiều rộng là 1dm. Tỉ số giữa chiều rộng với chiều dài là:

A.  $\frac{5}{6}$       B.  $\frac{6}{5}$       C. 12      D.  $\frac{1}{12}$

**Câu 21:** Một thửa đất hình chữ nhật là chiều rộng là 60m, chiều dài bằng  $\frac{4}{3}$  lần chiều rộng. Hỏi diện tích mảnh đất là bao nhiêu?

A. 480m<sup>2</sup>      B. 4800m<sup>2</sup>      C. 270m<sup>2</sup>      D. 2700m<sup>2</sup>

**Câu 22:** Một lớp học có 22 học sinh nam với sĩ số là 50 em. Hỏi tỉ lệ phần trăm số học sinh nữ so với cả lớp là bao nhiêu?

A. 44%      B. 56%      C. 50%      D. 178%

**Câu 23:** Một cửa hàng có 48m vải cần bán. Ngày một bán được  $\frac{3}{8}$  số vải. Ngày thứ hai bán được 50% số vải. Hỏi sau hai ngày bán, số vải của cửa hàng còn bao nhiêu mét?

A. 24      B. 18      C. 42      D. 6

**Câu 24:** Biết  $1\frac{5}{6}$  của số đó là  $-22$ . Vậy số đó là:

A.  $-12$       B. 12      C.  $\frac{131}{2}$       D.  $\frac{121}{3}$

**Câu 25:** Ông An gửi tiết kiệm năm triệu đồng vào một ngân hàng với số tiền lãi nhận được mỗi tháng là 25 500đồng. Hỏi mỗi tháng ông An nhận được bao nhiêu phần trăm tiền lãi?

A. 0,5%      B. 0,51%      C. 5,1%      D. 50%

**Câu 26:** Trong sữa chứa 4,5% bơ. Tính lượng sữa trong một cái chai, biết lượng bơ trong đó là 27g.

A. 1,215g      B. 6000g      C. 600g      D. 121,5g

**Câu 27:** Tìm tỉ lệ xích của một bản đồ, biết khoảng cách từ tỉnh A đến tỉnh B trên bản đồ là 5cm và trên thực tế là 150km

A.  $\frac{1}{30}$       B.  $\frac{1}{150}$       C.  $\frac{1}{300000}$       D.  $\frac{1}{3000000}$

**Câu 28:** Giá bán rau ở một cửa hàng A tháng 5 cao hơn 20% giá rau bán tháng 8 nhưng lại thấp hơn giá bán rau tháng 10 là 20%. Hỏi giá bán tháng 8 chênh lệch như thế nào so với giá bán tháng 10?

A. cao hơn 20%      B. bằng nhau      C. thấp hơn 40%      D. thấp hơn 20%

**Câu 29:** Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 10m, chiều rộng là 6m. Khu vườn hình vuông nằm bên cạnh có độ dài một cạnh bằng chiều rộng của mảnh đất trên. Khi đó tỉ số diện tích giữa mảnh đất và mảnh vườn là:

**Câu 30:** Cách viết nào sau đây chỉ phân số?

A.  $\frac{0,3}{12}$       B.  $\frac{4}{0}$       C.  $\frac{-3}{7}$       D.  $\frac{1,34}{-2,8}$

**Câu 31:** Tìm đẳng thức đúng:

A.  $\frac{a}{b+c} = \frac{a}{b} + \frac{a}{c}$       B.  $\frac{a+c}{b} = \frac{a}{b} + \frac{c}{b}$       C.  $\frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \frac{a}{b} + \frac{a}{c}$       D.  $\frac{a+c}{b} = \frac{a}{b} - \frac{a}{c}$

**Câu 32:** Hai nửa mặt phẳng có chung bờ là hai nửa mặt phẳng:

A. Có chung một cạnh

B. Đối nhau

C. Chung gốc

D. Bằng nhau

**Câu 33:** Cho 3 điểm O, A, B không thẳng hàng. Tia Ox nằm giữa hai tia OA và OB khi nào?

A. Tia Ox cắt đoạn thẳng AB

B. Tia Ox cắt đoạn thẳng OB

C. Tia Ox cắt đoạn thẳng AB

D. Tia Ox cắt đường thẳng OB.

**Câu 34:** Góc có số đo  $90^\circ$  được gọi là:

A. Góc vuông

B. Góc nhọn

C. Góc tù

D. Góc bẹt

**Câu 35:** Đường tròn tâm O có bán kính 4cm thì đường kính có độ dài là:

A. 12cm

B. 4cm

C. 2cm

D. 8cm

**Câu 36:** Góc bẹt là góc tạo bởi:

A. Hai tia chung gốc

B. Hai tia đối nhau

C. Hai tia trùng nhau

D. Hai tia cắt nhau

**Câu 37:** Hai góc phụ nhau là hai góc:

A. Có tổng số đo bằng  $90^\circ$

B. Có tổng số đo bằng  $180^\circ$

C. Kề nhau và có tổng số đo là  $180^\circ$

D. Kề nhau và có tổng số đo là  $90^\circ$

**Câu 38:** Góc có hai cạnh là hai tia đối nhau thì có số đo là bao nhiêu?

A.  $30^\circ$

B.  $90^\circ$

C.  $120^\circ$

D.  $180^\circ$

**Câu 39:** Cho góc xOy và góc mAn là hai góc bù nhau, biết  $\widehat{mAn} = 45^\circ$  thì  $\widehat{xOy} = ?$

A.  $115^\circ$

B.  $45^\circ$

C.  $135^\circ$

D.  $40^\circ$

**Câu 40:** Cho tia Oy nằm giữa tia Ox và tia Oz. Biết  $\widehat{xOz} = 70^\circ$ ;  $\widehat{xOy} = 30^\circ$ . Vậy  $\widehat{yOz} = ?$

A.  $70^\circ$

B.  $30^\circ$

C.  $100^\circ$

D.  $40^\circ$

**Câu 41:** Hình gồm các điểm cách đều điểm O với một khoảng cách là 6cm là hình gì?

A. Đường tròn tâm O bán kính 6cm

B. Đường tròn tâm O bán kính 3cm

C. Đường tròn tâm O đường kính 6cm

D. Hình tròn tâm O bán kính 6cm

**Câu 42:** Với  $\widehat{AOB} = 150^\circ$  có tia Om là tia phân giác của  $\widehat{AOB}$  thì  $\widehat{mOA} = ?$

A.  $75^\circ$

B.  $70^\circ$

C.  $50^\circ$

D.  $100^\circ$

**Câu 43:** Điều kiện để kết luận tia Oy là tia phân giác của góc xOz?

A.  $\widehat{xOy} = \widehat{yOz}$

B.  $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$

C.  $\widehat{xOy} = \widehat{yOz} = \frac{\widehat{xOz}}{2}$

D. Tất cả đều đúng.

**Câu 44:** Cho  $\hat{A} = 35^\circ$  và  $\hat{B} = 55^\circ$ . Kết luận **đúng** là:

A.  $\hat{A}$  và  $\hat{B}$  là hai góc bù nhau

B.  $\hat{A}$  và  $\hat{B}$  là hai góc phụ nhau

C.  $\hat{A}$  và  $\hat{B}$  là hai góc kề nhau

D.  $\hat{A}$  và  $\hat{B}$  là hai góc kề bù

**Câu 45:** Tam giác là hình gồm:

A. là 3 điểm không thẳng hàng

B. là 3 đoạn thẳng

C. là 3 điểm bất kì

D. là 3 đoạn thẳng được tạo bởi 3 điểm không thẳng hàng.

**Câu 46:** Cho đường tròn tâm O bán kính 3cm. Lấy điểm M bất kì sao cho OM = 2cm. Khi đó:

A. Điểm M nằm trên đường tròn

B. Điểm M nằm trong đường tròn/

C. Điểm M nằm ngoài đường tròn

D. Không có đáp án đúng

**Câu 47:** Góc nhọn là góc có số đo:



A. Nhỏ hơn  $180^{\circ}$

C. Lớn hơn 0 và nhỏ hơn  $180^{\circ}$

**Câu 48:** Số tam giác có trong hình sau là:

A. 30

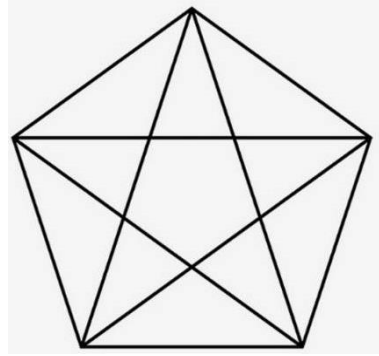
B. 35

C. 36

D. 45

B. Nhỏ hơn  $90^{\circ}$

D. Lớn hơn 0 và nhỏ hơn  $90^{\circ}$



**BGH duyệt**

**Tổ trưởng CM duyệt**

**Nhóm trưởng CM**

**Nguyễn Ngọc Sơn**

**Hồ Mai Thúy**

**Phạm Thùy Linh**